

## K THU T CH M SÓC NG I B NH PEMPHIGUS

Mã số :V-1

### I. NH NGH A

K thu t ch m sóc ng i b nh pemphigus bao g m nhi u quy trình nh m.

- Làm s ch các th ng t n da và niêm m c.
- B o v t t vùng da lành.
- Ch ng nhi m trùng.
- B i ph n c i n gi i.
- m b o ch dinh d ng, nâng cao th tr ng.

### II. CHU N B

#### 1. Ng i b nh

Gi i thích cho ng i b nh, ho c ng i nhà ng i b nh bi t vi c mình s p làm h yên tâm, h p tác.

#### 2. Ng i th c hi n

- i u d ng viên.
- m b o vô khu n khi ch m sóc ng i b nh.
- Có thái ân c n, thông c m v i ng i b nh.

#### 3. D ng c

Tùy theo nh n nh ng i b nh mà chu n b d ng c cho phù h p. D ng c c b ng m:

- ng nghe, nhi t k , huy t áp k .
- Khay ng d ng c .
- K p, bông, g c vô khu n, g ng tay s ch.
- Ch u n c m, kh n m t bông to.
- T m v i tr i gi ng, qu n áo s ch (n u ng i b nh còn m c c qu n áo), t m v i tr i gi ng ph .
- Túi ng b n.
- Qu t s i (n u là mùa ông).
- Thu c và dung d ch sát khu n: n c mu i 9%, dung d ch Jarich, dung d ch eos n 2%, milian, glycerinborat, thu c theo ch nh c a bác s .

### III. CÁC B C TI N HÀNH

1. Theo dõi tình tr ng toàn thân và các d u hi u s nh t n c a ng i b nh

- Quan sát ngứa ở bệnh: sắc m t, vùng da tổn thương, mức độ tổn thương.
- Tình trạng tiêu hóa.
- Khám chung, nhiệt độ, nhịp tim, huyết áp, nồng độ tiểu 24 giờ (màu sắc, số lượng).
- Tình trạng tinh thần của người bệnh.

## **2. Chăm sóc bệnh nhân và cận bệnh**

### **2.1. Chăm sóc thể trạng niêm mạc, huyết nhiên**

- Lau rửa niêm mạc m t, miệng bằng muối sinh lý, tra thuốc m t theo chỉ định của bác sĩ chuyên khoa m t (nếu có).
- Nếu có vết loét niêm mạc miệng: lau rửa miệng bằng muối sinh lý và bôi glycerinborat 2%.
- Nếu có vết loét niêm mạc sinh dục: rửa bằng muối sinh lý, thuốc tím pha loãng 1/10.000, bôi glycerinborat 2%, dung dịch eosin 2%, hoặc chàm dung dịch milian.

### **2.2. Chăm sóc da tổn thương**

- Cho người bệnh nằm giường bệnh thoải mái.
- Thay tã vệ sinh đúng giờ hàng ngày 1-2 lần.
- Tắm, gội cho người bệnh 1-2 lần/ngày bằng dung dịch thuốc tím 1/10.000. Khi tắm, gội cần tránh kích thích làm trầy xước, lột da thành mảng gây đau rát, nhiễm khuẩn, lâu lành tổn thương.
- Thăm khô tổn thương.
- Vệ sinh vùng tổn thương tỉ mỉ để tránh nhiễm trùng: rửa bằng dung dịch Jarisch 30 phút/lần, 1-2 lần/ngày.
- Tiếp theo, bôi dung dịch màu (milian), hoặc dung dịch eosin 2% lên bề mặt niêm mạc và vùng da tổn thương, sau đó có thể rắc m t bột talc mỏng lên các vết tổn thương tránh tiếp xúc với môi trường ẩm ướt tránh tiếp xúc vào các vết loét gây ngứa và đau cho người bệnh.
- Nếu có các bệnh nhiễm trùng khác, nên dùng biện pháp điều trị thích hợp khi chỉ định của bác sĩ.
- Với các tổn thương nặng có nguy cơ bội nhiễm thì bôi m kháng sinh hoặc m corticoid theo chỉ định của bác sĩ.

### **2.3. Theo dõi nhiễm trùng, thuốc dùng theo chỉ định của bác sĩ**

- Thuốc tiêm truyền: dung dịch truyền, số lượng, tốc độ truyền theo đúng y lệnh của bác sĩ, các thao tác tiêm truyền phải vô trùng.
- Cận bệnh, da của người bệnh pemphigus rất dễ tổn thương nên các người tác nhân gần gũi với bệnh nhân, giữ tay khi cầm kim cần phải rửa sạch sẽ tránh tổn thương thêm cho người bệnh.

- Thu c u ng: n u có th ng t n niêm m c mi ng thì ph i nghi n nh thu c r i pha loãng và cho ng i b nh u ng t ng ít m t.

#### **2.4. Ch dinh d ng**

- Lo i th c n, n c u ng, s l ng, gi n, s l n: th c hi n theo y l nh c a bác s .

- C n chú ý khuyên ng i b nh n h n ch n nhi u ng và không n m n nh m tránh tác đ ng ph c a corticoid là làm t ng ng huy t và t ng natri huy t.

#### **3. ánh giá, ghi s và báo cáo**

- ánh giá tình tr ng ti n tri n c a th ng t n.

- Các k thu t và thu c ã th c hi n.

- Báo cáo bác s các b t th ng v tình tr ng c a ng i b nh: s t, t ng ho c h huy t áp, xu t hi n t n th ng m i.

- V bi u v s thay i c a các đ u hi u s nh t n.

#### **4. H ng d n ng i b nh và gia ình**

- An i, ng viên ng i b nh và ng i nhà h yên tâm, tin t ng và h p tác i u tr .

- H ng d n ng i nhà t ân th các n i quy b nh vi n m b o v Vô trùng.

## **K THU T CH M SÓC NG IB NH D NG THU C**

Mã số :V-2

### **I. NH NGH A**

K thu t ch m sóc ng i b nh d ng thu c bao g m nhi u quy trình nh m làm s ch các th ng t n da và niêm m c.

- Ch ng nhi m trùng.
- B i ph n c i n gi i.
- Nâng cao th tr ng.

### **II. CHU N B**

#### **1. Ng i b nh**

Gi i thích cho ng i b nh, ho c ng i nhà ng i b nh bi t tình tr ng b nh.

#### **2. Ng i th c hi n**

- i u d ng viên y trang ph c y t .
- m b o vô khu n khi ch m sóc ng i b nh.
- Có thái ân c n, thông c m v i ng i b nh.

#### **3. D ng c**

- ng nghe, nhi t k , huy t áp k .
- Khay ng d ng c .
- K p, bông, g c vô khu n, g ng tay s ch.
- Ch u n c m, kh n m t bông to.
- T m v i tr i gi ng, qu n áo s ch (n u ng i b nh còn m c c qu n áo), t m v i tr i gi ng ph .
- Túi ng b n.
- Qu t s i (n u là mùa ông).
- Thu c và dung d ch sát khu n: n c mu i 9%, dung d ch Jarich, dung d ch milian, dung d ch eos n 2%, glycerinborat, thu c theo ch nh c a bác s .

### **III. CÁC B C TI NHÀNH**

**1. Theo dõi tình tr ng toàn thân và các d u hi u s nh t n c a ng i b nh**

- o m ch, nhi t , nh p th , huy t áp, n c ti u 24 gi (màu s c, s l ng). Th c hi n 6 gi m t l n, ánh giá toàn tr ng m c t n th ng tí n tri n b nh báo cáo bác s k p th i.

- Chẩn định dùng hợp lý dùng nỉng nh s a, cháo do i u d ng viên tr c ti p th c hi n t i gi ng.

- Theo dõi tình tr ng tiêu hóa và tinh th n c a ng i b nh báo cáo bác s i u tr x trí k p th i.

## **2. Ch m sóc c b n và c bi t**

### **2.1. Ch m sóc th ng t n niêm m c, h c t nhiên**

- Lau r a niêm m c m t, m i b ng mu i s nh lý, tra các lo i thu c theo ch nh c a bác s chuyên khoa m t.

- N u có tr t niêm m c mi ng: lau r a mi ng b ng mu i s nh lý và bôi glycerinborat 2%.

- N u có tr t niêm m c s nh d c: r a b ng mu i s nh lý, bôi glycerinborat 2% ho c ch m dung d ch milian (ho c dung d ch eos n 2%).

### **2.2. Ch m sóc da b t n th ng**

- Cho ng i b nh n m gi ng b t tal ph kín toàn b gi ng tránh da t n th ng ti p xúc tr c ti p t m v i tr i gi ng.

- Thay t m v i tr i gi ng hàng ngày 1-2 l n.

- T m, g i u cho ng i b nh 1 l n/ngày b ng dung d ch thu c tím 1/10.000. Khi t m, g i c n tránh k c m nh làm tr y x c, l t da thành m ng gây au rất, nhi m khu n, lâu lành t n th ng.

- Th m khô t n th ng.

- V i vùng t n th ng ti t d ch nhi u: p dung d ch Jarich 30 phút/ l n, 1 l n/ngày.

- Ti p theo, bôi dung d ch màu lên b ng n c và vùng da tr t t, sau ó có th p g c m m ng lên các v t tr t tránh t m v i tr i gi ng dính vào các v t loét gây tr t và au cho ng i b nh.

- N u có các b ng n c to ch a v , nên dùng xilanh hút h t d ch tr c khi ch m thu c màu.

- V i các t n th ng ã óng v y ti t khô thì bôi m kháng s nh ho c m corticoid theo ch nh c a bác s .

### **2.3. Th c hi n thu c tiêm truy n, thu c u ng theo ch nh c a bác s**

- Thu c tiêm truy n: dung d ch truy n, s l ng, t c truy n theo úng y l nh c a bác s , các thao tác tiêm truy n ph i v Vô trùng.

- c bi t, da c a ng i b nh Lyell r t d tr t nên các ng tác nh ga-rô khi l y t nh m ch, gi tay khi ch c kim c n h t s c nh nhàn tránh t n th ng thêm cho ng i b nh.

- Thu c u ng: n u có th ng t n niêm m c mi ng thì ph i nghi n nh thu c r i pha loãng và cho ng i b nh u ng t ng ít m t.

#### **2.4. Chăm sóc dinh dưỡng**

- Lo ngại về cân nặng, sự thèm ăn, giấc ngủ, sự mệt mỏi: thể hiện theo yêu cầu của bác sĩ.

- Cần chú ý khuyến khích bệnh nhân ăn nhiều hơn và không nên lạm dụng thuốc tránh tác dụng phụ của corticoid là làm tăng nguy cơ huyết áp và tăng natri huyết.

#### **3. Đánh giá, ghi chép và báo cáo**

- Đánh giá tình trạng tiến triển của bệnh.

- Các kết quả xét nghiệm và thu thập dữ liệu.

- Báo cáo bác sĩ các bất thường về tình trạng của người bệnh: sốt, tăng hoặc giảm huyết áp, xuất hiện triệu chứng mới.

- Về bệnh sử thay đổi các dấu hiệu lâm sàng.

#### **4. Hướng dẫn người bệnh và gia đình**

- An ủi, động viên người bệnh và người nhà người bệnh giữ yên tâm, tin tưởng và hợp tác điều trị.

- Hướng dẫn người bệnh tuân thủ các chỉ định điều trị và vệ sinh môi trường.

**I U TR B NH DA**  
**B NG NGÂM T M DUNG D CH THU C TÍM 1/10.000**  
Mã số :V-3

**I. NH NGH A**

Ngâm t m b ng dung d ch thu c tím 1/10.000 là ph ng pháp i u tr c bi t, áp d ng cho các b nh da nhi m khu n, các b nh da lan t a toàn thân.

M c ích

- Sát khu n.
- Ch ng viêm.

**II. CH NH**

- Các b nh da nhi m khu n.
- Các b nh da toàn thân.
- Viêm da c a.

**III. CHU N B**

**1. Ng i th c hi n**

i u d ng viên i m , eo kh u trang.

**2. D ng c**

- Thu c tím b t: gói 2g.
- B n t m trong phòng kín gió.
- N c m (có th n c b ng s d ng bình nóng l nh).

**3. Ng i b nh**

Tr c khi ngâm t m dung d ch thu c tím 1/10.000 nên cho ng i b nh t m qua b ng n c m.

**IV. CÁC B C TI N HÀNH**

- Thông báo, gi i thích cho ng i b nh và gia ình ng i b nh v l ích c a vi c ngâm t m dung d ch thu c tím 1/10.000.

- X n c m nhi t t 25° n 30°C vào b n. L ng n c nhi u hay ít tùy theo t ng tr ng h p. C n l u ý dùng tay th nóng c a n c m b o ch c ch n n c không quá nóng hay quá l nh.

- Pha dung d ch thu c tím: pha 1g thu c tím cho 10 lít n c m dùng tay pha u thu c. Theo kinh nghi m sau khi pha xong n c có màu h ng cánh sen.

- Ngâm trong th i gian t 15 n 20 phút.

- Lau khô, m c qu n áo.

## *Khoa Da liễu*

- Ghi hồ sơ bệnh án và tiến triển của bệnh nhân theo dõi, tái khám định kỳ. Báo cáo với bác sĩ điều trị các bất thường và tình trạng bệnh.

### **Lưu ý:**

- Không nên cho người bệnh ngâm tắm quá lâu nhất là người có tuổi.  
Người bệnh nên luôn có người nhà bên cạnh.



## **ĐIỀU TRỊ SỤI MÀO GÀ BẰNG LASER CO<sub>2</sub>**

Mã số: V-4

### **I. ĐỐI TƯỢNG**

Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO<sub>2</sub> là kỹ thuật sử dụng chùm tia Laser CO<sub>2</sub> nhằm loại bỏ tất cả các sùi mào gà bằng hiệu ứng quang đông học bất kỳ bất kỳ.

### **II. CHỈ ĐỊNH**

Sùi mào gà các thể, các vị trí: ngoài da, niêm mạc, hậu môn, sinh dục...

### **III. CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

#### **1. Chống chỉ định**

- Người bệnh không đồng ý hoặc không hợp tác điều trị
- Bệnh giang mai 2 chưa điều trị dứt điểm vùng niêm mạc
- Vùng da điều trị đang nhiễm khuẩn cấp tính, lan toả
- Bệnh toàn thân nặng, tăng huyết áp (>160mmHg), đường huyết (>10mmol/l)

- Người bệnh đang dùng thuốc chống đông máu

#### **2. Thận trọng khi điều trị**

- Vùng da điều trị đang chiếu xạ
- Các rối loạn
- Suy giảm miễn dịch nặng (CD4 < 200)
- Đường huyết không ổn định, đường huyết > 8mmol/l
- Phụ nữ có thai (đặc biệt là trong 3 tháng đầu hoặc 3 tháng cuối)

### **IV. CHUẨN BỊ**

#### **1. Nhân viên**

Phân t y n kỹ thuật: Trung ương, tỉnh

Phòng thủ thuật: Diện tích (>12m<sup>2</sup>), kín đáo, đủ ánh sáng (tia cực tím...)

Ánh sáng: 300-700 lux, nhiệt độ: 21-24<sup>0</sup>C, độ ẩm: 60-70%

#### **2. Người bệnh**

Phân loại: thủ thuật loại 1

Số người:

Thủ thuật viên: 01 người.

Gây mê/tê: 01 người.

Phụ thu: 01 người.

Giúp việc: 01 người.

### **3. Trang thiết bị, dụng cụ, thuốc, vật tư tiêu hao**

- Trang thiết bị: Máy Laser CO2, máy hút và lọc khói bụi

- Cài thông số: công suất, chế độ phát tia... Khi dùng, đặt máy chế độ.

- Dụng cụ: Khay đựng, pince thẳng, pince cong, kéo, kẹp phẫu tích, bông tiêm...

- Thuốc: Povidin, NaCl 0,9%, kem/mỡ kháng sinh, lidocain, acid acetic 5%

- Vật tư tiêu hao: Băng, băng gạc, băng dính, băng cá nhân vô khuẩn...

### **4. Người bệnh**

- Được khám, xét nghiệm, chẩn đoán có chẩn đoán, chẩn đoán điều trị phù hợp

- Được tư vấn về phương pháp, quy trình điều trị: sắc tố thâm, thâm u, tại bệnh...

- Tâm lý ổn định, sẵn sàng điều trị

### **5. Hồ sơ bệnh án (Phiếu điều trị)**

- Chẩn đoán của bác sĩ, chẩn đoán điều trị, cam kết của người bệnh

- Xét nghiệm máu (nếu cần)

## **V. CÁC ƯỚC TIẾN HÀNH**

### **1. Nhóm làm thủ thuật**

Trang phục bảo hộ: Áo, mũ, khẩu trang, kính.

Rửa tay hoặc sát trùng tay nhanh, đeo găng vô trùng

### **2. Kiểm tra người bệnh**

Đúng người bệnh, đúng thông tin cá nhân điều trị

Người bệnh nằm trên bàn, thả thoải mái, phù hợp tiến hành thủ thuật.

### **3. Vô cảm**

Gây tê: Bôi tê (EMLA...), Tiêm tê cục (Xylocain...), Tê vùng (tê gạc, tinh mạch...)

Gây mê: Mê úp mask, mê tĩnh mạch, mê nội khí quản...

### **4. Vô trùng**

Sát trùng rãnh vùng i u tr b ng povidin 10% ho c chlorhexidin 2%, c n 70<sup>0</sup>...

Tr i toan vô khu n bàn và ngu i b nh che ph xung quanh, b c l vùng i u tr

### **5. Lo i b th ng t n**

Quang ông ho c b c bay t ch c t ng l p.

Lo i b hoàn toàn th ng t n c chi u r ng, chi u sâu;

Lo i b t ch c than hóa b ng g c m

### **6. Làm s ch vùng i u tr**

Sát trùng, làm s ch vùng đã i u tr b ng: povidin 10% ho c NaCl 0,9%...

Bôi kem/m kháng s nh

### **7. B ng th ng t n**

Đ p g c: g c m , g c vô khu n khô...

B ng th ng t n, b ng ép nh (n u c n)

## **VI. THEO DÕI**

- Theo dõi 30 phút v i tru ng h p gây tê t i ch , 6 gi v i gây mê ho c tê t s ng

- Toàn tr ng: phát hi n s m s c ph n v , theo dõi ch c nang s ng và r i lo n khác

- T i ch : tình tr ng ch y máu, co th t m ch, tình tr ng phù n và các r i lo n khác

## **VII. X TRÍ TẠI BI N**

- Báo bác s ngay khi có tai bi n.

- S c ph n v : ki m soát ch c nang s ng, x trí ngay theo phác d s c ph n v

- Ch y máu: b ng ép, khâu ép ho c c m máu b ng t i n

- Tai bi n khác: t theo lo i và m c x lý phù h p

## ĐIỀU TRỊ H T C M B NG LASER CO2

Mã số :V-5

### I. Đ I C NG

Điều trị h t c m b ng Laser CO2 là kỹ thuật sử dụng chùm tia Laser CO2 nhằm loại bỏ tế bào h t c m b ng hi u ng quang đồng hồ cũ để thay thế.

### II. CH Đ NH

H t c m các th : h t c m thông thu ng, h t c m ph ng, lòng bàn tay bàn chân

### III. CH NG CH Đ NH

#### 1. Chỉ định

- Người bệnh không có ý hoặc không hợp tác điều trị
- Bệnh giang mai 2 chưa điều trị dứt điểm vùng niêm mạc
- Vùng da điều trị đang nhiễm khuẩn cấp tính, lan to
- Bệnh toàn thân nặng, tăng huyết áp (>160mmHg), đái tháo đường (>10mmol/l)

- Người bệnh đang dùng thuốc chống đông máu

#### 2. Chống chỉ định

- Vùng da điều trị đang chiếu xạ
- Các bệnh da liễu
- Suy giảm miễn dịch nặng (CD4 < 200)
- Đái tháo đường, đường huyết không ổn định, đường huyết > 8mmol/l
- Phụ nữ có thai (đặc biệt là trong 3 tháng đầu hoặc 3 tháng cuối)

### IV. CHU N B

#### 1. Nội thất

Phân loại kỹ thuật: Trung ương, tĩnh

Phòng thủ thuật: Diện tích (>12m<sup>2</sup>), kín đáo, đủ ánh sáng (tia cực tím...)

Ánh sáng: 300-700 lux, nhiệt độ: 21-24<sup>0</sup>C, độ ẩm: 60-70%

#### 2. Người thực hiện

Phân loại: Kỹ thuật loại 2

Số người: Kỹ thuật viên: 01 người.

Phụ thuộc: 01 người.

### **3. Trang thiết bị, dụng cụ, thuốc, vật tư tiêu hao**

- Trang thiết bị: Máy Laser CO<sub>2</sub>, máy hút và lọc khói bụi
- Cài đặt thông số: công suất, chế độ phát tia... Khử trùng, diệt khuẩn
- Dụng cụ: Khay đựng dụng cụ, pince thẳng, pince cong, kéo, kẹp phẫu tích, bơm tiêm...
- Thuốc: Povidin, NaCl 0,9%, kem/mỡ kháng sinh, lidocain, acidacetic 5%
- Vật tư tiêu hao: Băng, bông, gạc, băng dính, băng cá nhân vô khuẩn...

### **4. Ngưỡng bệnh**

- Điều kiện khám, xét nghiệm, chẩn đoán có căn cứ, chẩn đoán dựa trên phù hợp
- Điều kiện vận dụng phương pháp, quy trình điều trị: sức khỏe thể chất, hiệu quả, tai biến...
- Tâm lý ổn định, sẵn sàng điều trị

### **5. Hồ sơ bệnh án (Phiếu điều trị)**

- Chẩn đoán của bác sĩ, chủ yếu của điều dưỡng, cam kết của người bệnh
- Xét nghiệm máu (nếu cần)

## **V. CÁC ƯU C TI N HÀNH**

### **1. Nhóm làm thủ thuật**

Trang phục bệnh nhân: Áo, quần, kính.

Rửa tay hoặc sát trùng tay nhanh, di gang và vô trùng

### **2. Kiểm tra ngưỡng bệnh**

Đúng ngưỡng bệnh, đúng thủ thuật cần điều trị

Người bệnh nằm trên bàn, thả lỏng cơ thể, phù hợp để tiến hành thủ thuật.

### **3. Vô cảm**

Gây tê: Bôi tê (EMLA...), Tiêm tê cục bộ (Xylocain...), Tê vùng (tê gốc, tĩnh mạch...)

Gây mê: Mê úp mask, mê tĩnh mạch, mê nội khí quản...

### **4. Vô trùng**

Sát trùng rãnh vùng điều trị bằng povidin 10% hoặc chlorhexidin 2%, cồn 70°...

Trị toàn vùng bàn và người bệnh che phủ xung quanh, bọc l vùng

i u tr

**5. Lo i b th ng t n**

Quang đông ho c b c bay t ch c t ng l p.

Lo i b hoàn toàn th ng t n c chi u r ng, chi u sâu.

Lo i b t ch c than hóa b ng g c m.

**6. Làm s ch vùng i u tr**

Sát trùng, làm s ch vùng đã i u tr b ng: povidin 10% ho c NaCl 0,9%...

Bôi kem/m kháng s nh

**7. B ng th ng t n**

Đ p g c: g c m , g c vô khu n khô...

B ng th ng t n, bang ép nh (n u c n)

**VI. THEO DÕI**

- Theo dõi 30 phút v i tru ng h p gây tê t i ch , 6 gi v i gây mê ho c tê t s ng

- Toàn tr ng: phát hi n s m s c ph n v , theo dõi ch c nang s ng và r i lo n khác

- T i ch : tình tr ng ch y máu, co th t m ch, tình tr ng phù n và các r i lo n khác

**VII. X TRÍ TAI BI N**

- Báo bác s ngay khi có tai bi n.

- S c ph n v : ki m soát ch c nang s ng, x trí ngay theo phác d s c ph n v .

- Ch y máu: bang ép, khâu ép ho c c m máu b ng d t di n.

- Tai bi n khác: t theo lo i và m c x lý phù h p.

## ĐIỀU TRỊ UNG TỖ NƠI HÔI BÀNG LASER CO<sub>2</sub>

Mã số: V-5

### I. ĐỊNH NGHĨA

Điều trị ung thư nội bì bằng Laser CO<sub>2</sub> là kỹ thuật sử dụng chùm tia Laser CO<sub>2</sub> nhằm loại bỏ tế bào ung thư nội bì bằng năng lượng quang đông học bằng tay cầm.

### II. CHỈ ĐỊNH

Ung thư nội bì các thể, các vị trí

### III. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

#### 1. Chống chỉ định

- Người bệnh không đồng ý hoặc không hợp tác điều trị
- Bệnh giang mai 2 chưa điều trị dứt điểm vùng niêm mạc
- Vùng da điều trị đang nhiễm khuẩn cấp tính, lan toả
- Bệnh toàn thân nặng, tăng huyết áp (>160mmHg), đái tháo đường (>10mmol/l)

- Người bệnh đang dùng thuốc chống đông

#### 2. Thận trọng khi điều trị

- Vùng da điều trị đang chiếu xạ
- Các rối loạn
- Suy giảm miễn dịch nặng (CD4 < 200)
- Đái tháo đường, đường huyết không ổn định, đường huyết > 8mmol/l
- Phụ nữ có thai (đặc biệt là trong 3 tháng đầu hoặc 3 tháng cuối)

### IV. CHUẨN BỊ

#### 1. Nội thất phòng

Phân tử yếm khí thu hút: Trung uong, tĩnh

Phòng thủ thu hút: Diện tích (>12m<sup>2</sup>), kín đáo, duy trì môi trường (tia cực tím...)

Ánh sáng: 300-700 lux, nhiệt độ: 21-24°C, độ ẩm: 60-70%

#### 2. Người thực hiện

Phân loại: Thủ thuật loại 2

Số người: Thủ thuật viên: 01 người.

Phụ trợ: 01 người.

### **3. Trang thiết bị, dụng cụ, thuốc, vật tư tiêu hao**

- Trang thiết bị: Máy Laser CO<sub>2</sub>, máy hút và lọc khói bụi
- Cài đặt thông số: công suất, chế độ phát tia... Khi dùng, đặt máy chế độ ch.
- Dụng cụ: Khay đựng u, pince thẳng, pince cong, kéo, kẹp phẫu tích, bơm tiêm...
- Thuốc: Povidin, NaCl 0,9%, kem/mỡ kháng sinh, lidocain, acidacetic 5%
- Vật tư tiêu hao: Băng, bông, gạc, băng dính, băng cá nhân vô khuẩn...

### **4. Người bệnh**

- Trước khám, xét nghiệm, hỏi bệnh sử có chẩn đoán, chẩn đoán iu trị phù hợp
- Trước tiến hành phẫu thuật, quy trình iu trị: số cần thiết, hiu qu, tai biến...
- Tâm lý ổn định, sẵn sàng iu trị

### **5. Hồ sơ bệnh án (Phiếu iu trị)**

- Chẩn đoán của bác sĩ, chủ yếu của iu điều trị, cam kết của người bệnh
- Xét nghiệm máu (nếu cần)

## **V. CÁC ƯỚC TIẾN HÀNH**

### **1. Nhóm làm thủ thuật**

Trang phục bệnh nhân: Áo, mũ, khẩu trang, kính.

Rửa tay hoặc sát trùng tay nhanh, di gang v Vô trùng

### **2. Kiểm tra người bệnh**

Đúng người bệnh, đúng thông tin cần iu trị

Người bệnh nằm trên bàn, thể thế thoải mái, phù hợp để tiến hành thủ thuật.

### **3. Vô cảm**

Gây tê: Bôi tê (EMLA...), Tiêm tê cục bộ (Xylocain...), Tê vùng (tê gạc, tinh m ch...)

Gây mê: Mê úp mask, mê tinh m ch, mê nội khí quản...

### **4. Vô trùng**

Sát trùng rãnh vùng iu trị bằng povidin 10% hoặc chlorhexidin 2%, cần 70<sup>0</sup>...

Trị toàn vùng vô khuẩn bàn và người bệnh che phủ xung quanh, bệnh nhân vùng



i u tr

### **5. Lo i b th ng t n**

Quang đông ho c b c bay t ch c t ng l p.

Lo i b m t ph n ho c hoàn toàn th ng t n c chi u r ng, chi u sâu.

Lo i b t ch c than hóa b ng g c m.

### **6. Làm s ch vùng i u tr**

Sát trùng, làm s ch vùng đã i u tr b ng: povidin 10% ho c NaCl 0,9%...

Bôi kem/m kháng s nh

### **7. B ng th ng t n**

Đ p g c: g c m , g c vô khu n khô...

B ng th ng t n, bang ép nh (n u c n)

## **VI. THEO DÕI**

- Theo dõi 30 phút v i tru ng h p gây tê t i ch , 6 gi v i gây mê ho c tê t s ng

- Toàn tr ng: phát hi n s m s c ph n v , theo dõi ch c nang s ng và r i lo n khác

- T i ch : tình tr ng ch y máu, co th t m ch, tình tr ng phù n và các r i lo n khác

## **VII. X TRÍ TẠI BI N**

- Báo bác s ngay khi có tai bi n.

- S c ph n v : ki m soát ch c nang s ng, x trí ngay theo phác d s c ph n v

- Ch y máu: bang ép, khâu ép ho c c m máu b ng d t di n

- Tai bi n khác: t theo lo i và m c x lý phù h p.

## **ĐI U TR U M M TREO B NG LASER CO2**

Mã số :V-7

### **I. Đ I C NG**

Đi u tr u m m treo b ng Laser CO2 là k thu t s d ng chùm tia Laser CO2 nh m lo i b t ch c u m m treo b ng hi u ng quang đông ho c b c bay t ch c.

### **II. CH Đ NH**

U m m treo các th , các v trí

### **III. CH NG CH Đ NH**

#### **1. Ch ng ch đ nh**

- Ngu i b nh không ng ý ho c không h p tác i u tr
- B nh giang mai 2 chua i u tr n u th ng t n vùng niêm m c
- Vùng da i u tr ang nhi m khu n c p tính, lan to
- B nh toàn th n ng, tang huy t áp (>160mmHg), đái tháo du ng (>10mmol/l)

- Ngu i b nh ang d t máy t o nh p tim

#### **2. Th n tr ng khi i u tr**

- Vùng da i u tr ang chi u x
- C a s o l i
- Suy gi m mi n d ch n ng (CD4 < 200)
- Đái tháo du ng, du ng huy t không n d nh, du ng huy t > 8mmol/l
- Ph n có thai (đ c bi t là trong 3 tháng đ u ho c 3 tháng cu i)

### **IV. CHU N B**

#### **1. N i th c hi n**

Phòng th thu t: Di n tích (>12m<sup>2</sup>), kín đáo, du c ti t trùng (tia c c tím...)

Ánh sáng: 300-700 lux, nhi t : 21-24<sup>0</sup>C, m: 60-70%

#### **2. Ngu i th c hi n**

Phân lo i: th thu t lo i 2

S ngu i:

Th thu t viên: 01 ngu i.

Ph th thu t: 01 ngu i.

### **3. Trang thiết bị, dụng cụ, thuốc, vật tư tiêu hao**

- Trang thiết bị: Máy Laser CO<sub>2</sub>, máy hút và lọc khói bụi
- Cài đặt thông số: công suất, chế độ phát tia... Khi dùng, đặt máy chế độ ch.
- Dụng cụ: Khay đựng u, pince thẳng, pince cong, kéo, kẹp phẫu tích, bơm tiêm...
- Thuốc: Povidin, NaCl 0,9%, kem/mỡ kháng sinh, lidocain, acidacetic 5%
- Vật tư tiêu hao: Băng, bông, gạc, băng dính, băng cá nhân vô khuẩn...

### **4. Người bệnh**

- Trước khám, xét nghiệm, hỏi bệnh sử có chẩn đoán, chẩn đoán iu trình phù hợp
- Trước tiến hành phẫu thuật, quy trình iu trình: số cần thiết, hiu qu, tai biến...
- Tâm lý ổn định, sẵn sàng iu trình

### **5. Hồ sơ bệnh án (Phiếu iu trình)**

- Chẩn đoán của bác sĩ, chủ yếu của iu trình, cam kết của người bệnh
- Xét nghiệm máu (nếu cần)

## **V. CÁC ƯỚC TIẾN HÀNH**

### **1. Nhóm làm thủ thuật**

Trang phục bảo hộ: Áo, mũ, khẩu trang, kính.

Rửa tay hoặc sát trùng tay nhanh, di gang vô trùng

### **2. Kiểm tra người bệnh**

Đúng người bệnh, đúng thông tin cần iu trình

Người bệnh nằm trên bàn, thể th thoải mái, phù hợp để tiến hành thủ thuật.

### **3. Vô cảm**

Gây tê: Bôi tê (EMLA...), Tiêm tê cục (Xylocain...), Tê vùng (tê gạc, tinh mạch...)

Gây mê: Mê úp mask, mê tĩnh mạch, mê nội khí quản...

### **4. Vô trùng**

Sát trùng rãnh vùng iu trình bằng povidin 10% hoặc chlorhexidin 2%, cần 70<sup>0</sup>...

Trị toàn vô khuẩn bàn và người bệnh che phủ xung quanh, bảcl vùng

ỉu tr

**5. Lo ỉb th ỉng t n**

Quang đ ỉng ho c b c bay t ch c t ỉng l p

Lo ỉb ho ỉn to ỉn th ỉng t n c ch ỉ u r ỉng, ch ỉ u s ỉu.

Lo ỉb t ch c than h ỉa b ỉng g c m.

**6. L ỉm s ch v ỉng ỉ u tr**

S ỉt tr ỉng, l ỉm s ch v ỉng đ ỉ ỉ u tr b ỉng: povidin 10% ho c NaCl 0,9%...

B ỉi kem/m k h ỉng s nh

**7. B ỉng th ỉng t n**

Đ p g c: g c m , g c v ỉ khu n k h ỉ...

B ỉng th ỉng t n, b ỉng ỉp nh (n u c n)

**VI. THEO D ỈI**

- Theo d ỉi 30 ph ỉt v ỉ tr ỉng h p g ỉy t ỉ t ỉ ch , 6 g ỉ v ỉ g ỉy m ỉ ho c t ỉ t s ỉng

- To ỉn tr ỉng: ph ỉt h ỉ n s m s c ph n v , theo d ỉi ch c nang s ỉng v ỉ r ỉ lo n k h ỉc

- T ỉ ch : t ỉnh tr ỉng ch y m ỉu, co th t m ch, t ỉnh tr ỉng ph ỉn v ỉ c ỉc r ỉ lo n k h ỉc

**VII. X Ỉ TR Ỉ TAI B Ỉ N**

- B ỉo b ỉc s ỉ ngay khi c ỉ tai b ỉ n.

- S c ph n v : k ỉ m so ỉt ch c nang s ỉng, x ỉ tr ỉ ngay theo ph ỉc đ s c ph n v

- Ch y m ỉu: b ỉng ỉp, k h ỉu ỉp ho c c m m ỉu b ỉng đ t d ỉ n.

- Tai b ỉ n k h ỉc: t ỉ theo lo ỉ v ỉ m c x ỉ lý ph ỉ h p.

## **ĐIỀU TRỊ DẪY SẼNG DA DƯ BẰNG LASER CO<sub>2</sub>**

Mã số :V-8

### **I. ĐỐI CƯƠNG**

Điều trị dẫn dưỡng da dư bằng Laser CO<sub>2</sub> là kỹ thuật sử dụng chùm tia Laser CO<sub>2</sub> nhằm loại bỏ tế bào dư thừa bằng hiệu ứng quang đông hoặc bốc bay tế bào.

### **II. CHỈ ĐỊNH**

Dưỡng da dư các vị trí

### **III. CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

#### **1. Chống chỉ định**

- Người bệnh không đồng ý hoặc không hợp tác điều trị
- Bệnh giang mai 2 chưa điều trị dứt điểm vùng niêm mạc
- Vùng da điều trị đang nhiễm khuẩn cấp tính, lan toả
- Bệnh toàn thân nặng, tăng huyết áp (>160mmHg), đường huyết (>10mmol/l)

- Người bệnh đang dùng thuốc chống đông

#### **2. Thận trọng khi điều trị**

- Vùng da điều trị đang chiếu xạ
- Các rối loạn
- Suy giảm miễn dịch nặng (CD4 < 200)
- Đường huyết, đường huyết không ổn định, đường huyết > 8mmol/l
- Phụ nữ có thai (đặc biệt là trong 3 tháng đầu hoặc 3 tháng cuối)

### **IV. CHUẨN BỊ**

#### **1. Nội thất phòng**

Phòng thủ thuật: Diện tích (>12m<sup>2</sup>), kín đáo, đủ ánh sáng (tia cực tím...)

Ánh sáng: 300-700 lux, nhiệt độ: 21-24<sup>0</sup>C, độ ẩm: 60-70%

#### **2. Người thực hiện**

Phân loại: Thủ thuật loại 2

Số người: Thủ thuật viên: 01 người.

Phụ trợ: 01 người.

#### **3. Trang thiết bị, dụng cụ, thuốc, vật tư tiêu hao**

- Trang thiết bị: Máy Laser CO2, máy hút và lọc khói bụi
- Cài đặt thông số: công suất, chế độ phát tia... Khử khuẩn, diệt khuẩn
- Dụng cụ: Khay đựng, pince thẳng, pince cong, kéo, kẹp phẫu tích, bơm tiêm...
- Thuốc: Povidin, NaCl 0,9%, kem/mỡ kháng sinh, lidocain, acidacetic 5%
- Vật tư tiêu hao: Băng, bông, gạc, băng dính, băng cá nhân vô khuẩn...

#### **4. Ngưỡng**

- Trước khám, xét nghiệm, chẩn đoán có chẩn đoán, chỉ định điều trị phù hợp
- Điều trị vận dụng phương pháp, quy trình điều trị: số lần điều trị, hiệu quả, tai biến...
- Tâm lý ổn định, sẵn sàng điều trị

#### **5. Hồ sơ bệnh án (Phiếu điều trị)**

- Chỉ định của bác sĩ, chẩn đoán ban đầu, cam kết của người bệnh
- Xét nghiệm máu (nếu cần)

### **V. CÁC BU C TI N HÀNH**

#### **1. Nhóm làm thủ thuật**

Trang phục bảo hộ: Áo, mũ, khẩu trang, kính.

Rửa tay hoặc sát trùng tay nhanh, đi gang vớ vô trùng

#### **2. Kiểm tra người bệnh**

Đúng người bệnh, đúng thông tin cá nhân điều trị

Người bệnh nằm trên bàn, thể thõng máu, phù hợp để tiến hành thủ thuật.

#### **3. Vô cảm**

Gây tê: Bôi tê (EMLA...), Tiêm tê cục (Xylocain...), Tê vùng (tê gạc, tinh mạch...)

Gây mê: Mê úp mask, mê tinh mạch, mê nội khí quản...

#### **4. Vô trùng**

Sát trùng vùng điều trị bằng povidin 10% hoặc chlorhexidin 2%, cồn 70...

Triệt toàn vô khuẩn bàn và người bệnh che phông xung quanh, bịt vùng điều trị

#### **5. Loại bỏ chất thải**

Quang đông hoặc bôi thuốc chống ngứa.

Loại bỏ hoàn toàn ngứa trên chi dưới, chi sâu.

Loại bỏ thuốc than hóa bằng gôm.

### **6. Làm sạch vùng ngứa**

Sát trùng, làm sạch vùng ngứa bằng: povidin 10% hoặc NaCl 0,9%...

Bôi kem/mỡ kháng ngứa

### **7. Bệnh ngứa**

Đặc điểm: ngứa, ngứa vô khu, ngứa...

Bệnh ngứa, ngứa, ngứa (ngứa)

## **VI. THEO DÕI**

- Theo dõi 30 phút và triệu chứng gây ngứa, ngứa, ngứa hoặc ngứa  
tổ ngứa

- Toàn thân: phát hiện sớm các phản ứng, theo dõi các nang ngứa và triệu  
loại khác

- Triệu chứng: tình trạng ngứa máu, có thể ngứa, ngứa ngứa và các triệu  
loại khác

## **VII. XỬ TRÍ TẠI BỆNH VIỆN**

- Báo bác sĩ ngay khi có tai biến.

- Sơ cứu: kiểm soát các nang ngứa, xử trí ngay theo phác đồ sơ cứu  
phản ứng

- Chảy máu: băng ép, khâu ép hoặc cầm máu bằng thuốc cầm máu

- Tai biến khác: theo dõi và điều trị xử lý phù hợp.

## ĐIỀU TRỊ DẪY SẼNG ÁNH NẮNG BẰNG LASER CO<sub>2</sub>

Mã số: V-9

### I. ĐỊNH NGHĨA

Điều trị dẫn dụ sẽng ánh nắng bằng Laser CO<sub>2</sub> là kỹ thuật sử dụng chùm tia Laser CO<sub>2</sub> nhằm loại bỏ tế bào dẫn dụ sẽng bằng hiệu ứng quang đông hoặc bốc bay tế bào

### II. CHỈ ĐỊNH

Dẫn dụ sẽng ánh nắng các vị trí

### III. CHỈ ĐỊNH CHỈ ĐỊNH

#### 1. Chỉ định

- Người bệnh không có ý hoặc không hợp tác điều trị
- Bệnh giang mai 2 chưa điều trị hoặc nốt vùng niêm mạc
- Vùng da điều trị ở những khu vực nhạy cảm, lan to
- Bệnh toàn thân nặng, tăng huyết áp (>160mmHg), đái tháo đường

(>10mmol/l)

- Người bệnh nặng đột ngột tim

#### 2. Những trường hợp không điều trị

- Vùng da điều trị ở chi dưới
- Các bệnh
- Suy giảm miễn dịch nặng (CD4 < 200)
- Đái tháo đường, đường huyết không ổn định, đường huyết > 8mmol/l
- Phụ nữ có thai (đặc biệt là trong 3 tháng đầu hoặc 3 tháng cuối)

### IV. CHUẨN BỊ

#### 1. Những chỉ định

Phòng thủ thuật: Diện tích (>12m<sup>2</sup>), kín đáo, đủ ánh sáng (tia cực tím...)

Ánh sáng: 300-700 lux, nhiệt độ: 21-24<sup>0</sup>C, độ ẩm: 60-70%

#### 2. Những chỉ định

Phân loại: thủ thuật loại 2

Số người:

Thủ thuật viên: 01 người.

Phụ trợ: 01 người.



### **3. Trang thiết bị, dụng cụ, thuốc, vật tư tiêu hao**

- Trang thiết bị: Máy Laser CO<sub>2</sub>, máy hút và lọc khói bụi
- Cài đặt thông số: công suất, chế độ phát tia... Khử trùng, diệt khuẩn
- Dụng cụ: Khay đựng, pince thẳng, pince cong, kéo, kẹp phẫu tích, bơm tiêm...
- Thuốc: Povidin, NaCl 0,9%, kem/mỡ kháng sinh, lidocain, acidacetic 5%
- Vật tư tiêu hao: Băng, bông, gạc, băng dính, băng cá nhân vô khuẩn...

### **4. Người bệnh**

- Trước khám, xét nghiệm, hỏi bệnh sử có chẩn đoán, chẩn đoán iu trừ phù hợp
- Điều trị vận dụng phương pháp, quy trình iu trừ: số lần, hiệu quả, tai biến...
- Tâm lý ổn định, sẵn sàng iu trừ

### **5. Hồ sơ bệnh án (Phiếu iu trừ)**

- Chẩn đoán của bác sĩ, chủ yếu của iu trừ, cam kết của người bệnh
- Xét nghiệm máu (nếu cần)

## **V. CÁC ƯỚC TIẾN HÀNH**

### **1. Nhóm làm thủ thuật**

Trang phục bảo hộ: Áo, mũ, khẩu trang, kính.

Rửa tay hoặc sát trùng tay nhanh, di gang vô trùng

### **2. Kiểm tra người bệnh**

Đúng người bệnh, đúng thông tin cá nhân iu trừ

Người bệnh nằm trên bàn, thể thõng mái, phù hợp để tiến hành thủ thuật.

### **3. Vô cảm**

Gây tê: Bôi tê (EMLA...), Tiêm tê cục bộ (Xylocain...), Tê vùng (tê gốc, tĩnh mạch...)

Gây mê: Mê úp mask, mê tĩnh mạch, mê nội khí quản...

### **4. Vô trùng**

Sát trùng rãnh vùng iu trừ bằng povidin 10% hoặc chlorhexidin 2%, cồn 70...

Trị toàn vùng bàn và người bệnh che phủ xung quanh, bịt vùng

ỉu tr

**5. Lo ỉb th ỉng t n**

Quang đ ỉng ho c b c bay t ch c t ỉng l p.

Lo ỉb ho ỉn to ỉn th ỉng t n c ch ỉ u r ỉng, ch ỉ u s ỉu.

Lo ỉb t ch c than h ỉa b ỉng g c m.

**6. L ỉm s ch v ỉng ỉ u tr**

S ỉt tr ỉng, l ỉm s ch v ỉng d ỉ ỉ u tr b ỉng: povidin 10% ho c NaCl 0,9%...

B ỉi kem/m k h ỉng s nh.

**7. B ỉng th ỉng t n**

Đ p g c: g c m , g c v ỉ khu n k h ỉ...

BB ỉng th ỉng t n, b ỉng ỉp nh (n u c n)

**VI. THEO D ỈI**

- Theo d ỉi 30 ph ỉt v ỉ tr ỉng h p g ỉy t ỉ t ỉ ch , 6 g ỉ v ỉ g ỉy m ỉ ho c t ỉ t s ỉng

- To ỉn tr ỉng: ph ỉt h ỉ n s m s c ph n v , theo d ỉi ch c nang s ỉng v ỉ r ỉ l ỉ n k h ỉc

- T ỉ ch : t ỉnh tr ỉng ch y m ỉu, co th t m ch, t ỉnh tr ỉng ph ỉn v ỉ c ỉc r ỉ l ỉ n k h ỉc

**VII. X Ỉ TR Ỉ TAI B Ỉ N**

- B ỉo b ỉc s ỉ ngay khi c ỉ tai b ỉ n.

- S c ph n v : k ỉ m so ỉt ch c nang s ỉng, x ỉ tr ỉ ngay theo ph ỉc d ỉ s c ph n v

- Ch y m ỉu: b ỉng ỉp, k h ỉu ỉp ho c c m m ỉu b ỉng d t d ỉ n

- Tai b ỉ n k h ỉc: t ỉ theo l ỉ i v ỉ m c x ỉ lý ph ỉ h p.

## **ĐIỀU TRỊ SẼN CẸC BẰNG LASER CO<sub>2</sub>**

Mã số :V-10

### **I. ĐỊNH NGHĨA**

Điều trị sẽn cẹn bằng Laser CO<sub>2</sub> là kỹ thuật sử dụng chùm tia Laser CO<sub>2</sub> nhằm loại bỏ tế bào sẽn cẹn bằng hiệu ứng quang đông học bằng cách bay hơi tế bào.

### **II. CHỈ ĐỊNH**

Sẻn cẹn các vị trí

### **III. CHỈ ĐỊNH CHỈ ĐỊNH**

#### **1. Chỉ định chung**

- Người bệnh không có ý hoặc không hợp tác điều trị
- Bệnh giang mai 2 chưa điều trị dứt điểm vùng niêm mạc
- Vùng da điều trị đang nhiễm khuẩn cấp tính, lan toả
- Bệnh toàn thân nặng, tăng huyết áp (>160mmHg), đái tháo đường (>10mmol/l)

- Người bệnh đang dùng thuốc chống đông

#### **2. Những chống chỉ định**

- Vùng da điều trị đang chiếu xạ
- Các rối loạn
- Suy giảm miễn dịch nặng (CD4 < 200)
- Đái tháo đường, đường huyết không ổn định, đường huyết > 8mmol/l
- Phụ nữ có thai (đặc biệt là trong 3 tháng đầu hoặc 3 tháng cuối)

### **IV. CHUẨN BỊ**

#### **1. Những chỉ định**

Phòng thủ thuật: Diện tích (>12m<sup>2</sup>), kín đáo, đủ ánh sáng (tia cực tím...)

Ánh sáng: 300-700 lux, nhiệt độ: 21-24<sup>0</sup>C, độ ẩm: 60-70%

#### **2. Những chỉ định**

Phân loại: thủ thuật loại 2

Số người: 02

Thủ thuật viên: 01 người.

Phụ trợ: 01 người.

#### **3. Trang thiết bị, dụng cụ, thuốc, vật tư tiêu hao**

- Trang thiết bị : Máy Laser CO2, máy hút và lọc khói bụi
- Cài đặt thông số : công suất, chế độ phát tia... Khử khuẩn, diệt khuẩn
- Dụng cụ : Khay đựng dụng cụ, pince thẳng, pince cong, kéo, kẹp phẫu tích, bơm tiêm...
- Thuốc: Povidin, NaCl 0,9%, kem/mỡ kháng sinh, lidocain, acidacetic 5%
- Vật tư tiêu hao: Băng, bông, gạc, băng dính, băng cá nhân vô khuẩn...

#### **4. Ngủ yên**

- Trước khám, xét nghiệm, hỏi bệnh sử có chẩn đoán, chẩn đoán ưu tiên
- Điều trị vận dụng phương pháp, quy trình điều trị : số bệnh, hiệu quả, tai biến...

- Tâm lý bệnh nhân, sẵn sàng điều trị

#### **5. Hồ sơ bệnh án (Phiếu điều trị)**

- Chẩn đoán của bác sĩ, chẩn đoán điều trị, cam kết của người bệnh
- Xét nghiệm máu (nếu cần)

### **V. CÁC ƯU TIÊN HÀNH**

#### **1. Nhóm làm thủ thuật**

Trang phục bệnh nhân : Áo, mũ, khẩu trang, kính.

Rửa tay hoặc sát trùng tay nhanh, đi gang vớ vô trùng

#### **2. Kiểm tra người bệnh**

Đúng người bệnh, đúng thông tin cá nhân điều trị

Người bệnh nằm trên bàn, thời gian chờ đợi, phù hợp để tiến hành thủ thuật.

#### **3. Vô cảm**

Gây tê: Bôi tê (EMLA...), Tiêm tê cục bộ (Xylocain...), Tê vùng (tê gạc, tinh mạch...)

Gây mê: Mê úp mask, mê tinh mạch, mê nội khí quản...

#### **4. Vô trùng**

Sát trùng rãnh vùng điều trị bằng povidin 10% hoặc chlorhexidin 2%, cồn 70%...

Triệt tiêu vô khuẩn bàn và người bệnh che phủ xung quanh, bệnh nhân vùng điều trị

### **5. Lo i b th ng t n**

Quang đông ho c b c bay t ch c t ng l p.

Lo i b hoàn toàn th ng t n c chi u r ng, chi u sâu.

Lo i b t ch c than hóa b ng g c m.

### **6. Làm s ch vùng i u tr**

Sát trùng, làm s ch vùng đã i u tr b ng: povidin 10% ho c NaCl 0,9%...

Bôi kem/m kháng s nh

### **7. B ng th ng t n**

Đ p g c: g c m , g c vô khu n khô...

B ng th ng t n, bang ép nh (n u c n)

## **VI. THEO DÕI**

- Theo dõi 30 phút v i tru ng h p gây tê t i ch , 6 gi v i gây mê ho c tê t s ng

- Toàn tr ng: phát hi n s m s c ph n v , theo dõi ch c nang s ng và r i lo n khác

- T i ch : tình tr ng ch y máu, co th t m ch, tình tr ng phù n và các r i lo n khác

## **VII. X TRÍ TAI BI N**

- Báo bác s ngay khi có tai bi n.

- S c ph n v : ki m soát ch c nang s ng, x trí ngay theo phác đ s c ph n v

- Ch y máu: b ng ép, khâu ép ho c c m máu b ng d t di n

- Tai bi n khác: t theo lo i và m c x lý phù h p.